TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 135/2024/HS-ST Ngày 05 tháng 6 năm 2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Quỳnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lý**

Bà **Võ Thị Bời**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Hồ Thị Thư** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn S, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2000, tại: Khánh Hòa; nơi cư trú: Tổ F P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Văn T (đã chết) và bà Lê Thị S1 (đã chết);

Tiền án: 02

- Bản án số 234/2020/HSST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/12/2020.

- Bản án số 270/2021/HSST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/01/2023.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 230/2023/HSST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo đang chấp hành bản án số 230/2023/HSST ngày 15/8/2023 tại Trại giam H – Cục C Bộ C1; có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Tấn T1, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1993 tại: Khánh Hòa; nơi cư trú: 8 Đồng Nai, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Tấn T2, sinh năm 1969 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1967.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 230/2023/HSST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo đang chấp hành bản án số 230/2023/HSST ngày 15/8/2023 tại Trại giam T4 – Cục C Bộ C1; có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Ông Nguyễn Quốc M, sinh năm 1996; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T3, sinh năm 1957, trú tại: 1 N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn S và Võ Tấn T1 không có nghề nghiệp ổn định cùng rủ nhau đi tìm tài sản trộm cắp để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 01/7/2023, Võ Tấn T1 điều khiển xe máy Honda nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 79L3-3584 chở S đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến trước công trình xây dựng tại Lô C đường A, khu đô thị L, phường P, thành phố N thì cả hai phát hiện 01 xe máy Honda RSX biển kiểm soát 79H1-983.41 của anh Nguyễn Quốc M đang dựng trên lề đường, còn cắm chìa khoá. T1 chở S đến dừng sát ngay cạnh xe Honda RSX, S xuống xe, lén lút đến gần mở khoá xe và điều khiển xe bỏ đi. S điều khiển xe máy vừa trộm cắp được đến khu vực Chợ Đ bán cho một người đàn ông (chưa rõ lai lịch) được 2.800.000 đồng, S đưa T1 600.000đ, số tiền còn lại S và T1 cùng nhau tiêu dùng hết.

Tại bản kết luận giám định số 403/KL-KTHS ngày 29/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe máy Honda RSX, biển kiểm soát 79H1-983.41 trị giá 16.555.000đ (mười sáu triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 76/CT-VKSNT ngày 26 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố bị cáo Lê Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Võ Tấn T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Tấn T1 từ 09 tháng đến 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Giao lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N 01 xe máy Honda Dream, màu nâu trắng, biển kiểm soát 79L3-3584 để tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo Lê Văn S và Võ Tấn T1 khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Bị hại Nguyễn Quốc M đề nghị xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 16.555.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của người này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, Kiểm sát viên đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn S, Võ Tấn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 01/7/2023, tại Lô C đường A, khu đô thị L, phường P, thành phố N, Lê Văn S và Võ Tấn T1 đã lén lút lấy trộm 01 xe máy Honda RSX, biển kiểm soát 79H1-983.41 của anh Nguyễn Quốc M trị giá 16.555.000đ.

Bị cáo Lê Văn S có 02 tiền án chưa được xóa án tích, đã tái phạm, nay lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm

nguy hiểm. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Võ Tấn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và việc tổng hợp hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Các bị cáo có nhân thân xấu, nhận thức được việc trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

Về vai trò của từng bị cáo: Hành vi của các bị cáo mang tính đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo S là người thực hành tích cực, bị cáo T1 là đồng phạm giúp sức.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Quốc M yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 16.555.000đ là phù hợp kết quả định giá tài sản và các quy định của pháp luật. Do đó cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại số tiền trên, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 8.277.500đ (tám triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

[6] Về vật chứng: Đối với xe máy Honda Dream, màu nâu trắng, số máy C100ME0031424 và biển kiểm soát 79L3-3584: Theo kết quả xác minh phương tiện giao thông cơ giới thì không xác định được chủ xe có số máy C100ME0031424. Đối với biển kiểm soát xe số 79L3-3584 do bà Trần Thị T3 đứng tên đăng ký. Bà T3 xác định đã bán xe từ lâu nên không có yêu cầu gì. Do đó cần giao lại xe máy trên cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N để tiếp tục xác minh làm rõ người quản lý hợp pháp và xử lý theo quy định.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Văn S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Võ Tấn T1 01 (một) năm tù** về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Quốc M số tiền 16.555.000đ (*mười sáu triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng*), trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 8.277.500đ (*tám triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Quy định chung:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Giao lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N (một) xe máy Honda Dream, màu nâu trắng, số máy C100ME0031424 gắn biển kiểm soát 79L3-3584 để tiếp tục xác minh làm rõ người quản lý hợp pháp và xử lý theo quy định.

Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16 tháng 5 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Lê Văn S, Võ Tấn T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 413.875đ (*bốn trăm mười ba nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP Nha Trang;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP Nha Trang;
- Chi cục THADS TP Nha Trang;
- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Quỳnh Trang